

**CHỈ THỊ của Hội đồng Bộ trưởng
số 85-HĐBT ngày 9-7-1986 về
một số vấn đề cấp bách trong
công tác quản lý vật tư.**

Tình hình quản lý vật tư hiện nay có nhiều thiếu sót như kế hoạch hóa vật tư chưa được cân đối vững chắc; tổ chức cung ứng vật tư chưa tập trung vào những đầu mối thống nhất, còn qua nhiều khâu, nhiều cấp trung gian không cần thiết; việc quản lý vật tư trong sản xuất, quản lý lưu thông vật tư còn nhiều sơ hở.

Những thiếu sót, sơ hở này đã gây những tổn thất và lãng phí lớn, làm giảm hiệu quả sử dụng của vật tư, làm cho vật tư càng thêm mất cân đối, gây ra đầu cơ mua đi bán lại kiếm chênh lệch giá, đẩy giá thành sản phẩm lên cao.

Thực hiện Nghị quyết 31 của Bộ Chính trị và kết luận của Hội nghị Trung ương 10 về giá — lương — tiền, Hội đồng Bộ trưởng yêu cầu các ngành, các cấp tập trung giải quyết một số vấn đề cấp bách sau đây trong công tác quản lý vật tư.

**I. PHÂN ĐẤU TẠO THÊM NGUỒN
VẬT TƯ, NÂNG VỪNG CÁC NGUỒN VẬT
TƯ CÓ THỂ ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI CỦA
KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC TRONG NĂM 1986.**

1. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cùng các ngành quản lý sản xuất tập trung các điều kiện cần thiết đẩy mạnh sản xuất các loại vật tư chủ yếu trong 6 tháng cuối năm để bù lại mức thiếu hụt trong 6 tháng đầu năm, hoàn thành kế hoạch sản xuất cả năm 1986, trước hết là than, điện, phân lân, xi-măng, gỗ, cao-su...

Bộ Ngoại thương phải kiểm tra lại ngay trong quý III này việc ký và thực hiện các hợp đồng nhập khẩu, đơn đốc ký hết các hợp đồng theo đúng đơn hàng nhập

khẩu và điều hết hàng về trong năm, kê cả hàng còn lại các năm trước ở các nước Đông Âu.

Giao trách nhiệm cho Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Ngoại thương cùng Bộ Vật tư tìm nguồn *nhập thêm vật tư ở khu vực II* nhằm đồng bộ hóa vật tư bảo đảm yêu cầu của sản xuất trong nước. Đồng thời phấn đấu có thêm nguồn vật tư, hàng hóa để thanh toán quyền sử dụng ngoại tệ của các ngành, các địa phương.

2. Trên cơ sở kết quả kiểm kê vật tư 0 giờ ngày 1 tháng 7 năm 1986 Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cùng các Bộ cung ứng vật tư đưa vào cân đối của kế hoạch Nhà nước toàn bộ vật tư kỹ thuật hiện có từ mọi nguồn sản xuất trong nước; nhập khẩu; tồn kho ở tất cả các khâu sản xuất, lưu thông, sử dụng; kể cả các loại nguyên liệu tái sinh, phế liệu, phế phẩm. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Vật tư cùng các cơ quan có liên quan xử lý ngay những vật tư ứ đọng, chậm luân chuyển để có kế hoạch kịp thời huy động vào sản xuất.

Các cơ sở sản xuất vật tư trong nước phải giao đủ sản phẩm cho các tổ chức cung ứng vật tư của Nhà nước theo chỉ tiêu kế hoạch, kể cả phần sản xuất vượt kế hoạch nếu có.

Vật tư nhập khẩu về đến cảng phải được giao ngay cho các đối tượng được phân phối theo kế hoạch Nhà nước. Không cơ quan nào được tự ý giữ lại hoặc ra lệnh phân phối ngoài kế hoạch Nhà nước.

Vật tư nhập khẩu để thực hiện các chương trình hợp tác với nước ngoài cũng phải được Ủy ban Kế hoạch Nhà nước quản lý để vừa tập trung bảo đảm thực hiện chương trình, vừa chống lãng phí, thất thoát, và khi cần thiết có thể điều chỉnh.

Những vật tư nhập bổ sung từ khu vực II cũng phải đưa vào cân đối của kế hoạch Nhà nước, vật tư chủ yếu do Nhà nước thống nhất quản lý thì bán theo giá chỉ đạo của Nhà nước, nếu có lỗi thì Nhà nước

bù chênh lệch giá; những vật tư ngoài diện Nhà nước thống nhất quản lý thì có thể bán theo giá bảo đảm kinh doanh theo sự hướng dẫn của Ủy ban Vật giá Nhà nước có sự bàn bạc với Bộ Vật tư, Bộ Ngoại thương và các địa phương có nguồn nhập bổ sung.

II. TOÀN BỘ VẬT TƯ CHỦ YẾU CỦA NHÀ NƯỚC PHẢI ĐƯỢC PHÂN PHỐI THEO MỘT KẾ HOẠCH CÂN ĐỐI CHUNG THỐNG NHẤT

1. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cùng các ngành có liên quan soát lại và nếu cần thì điều chỉnh lại các chỉ tiêu phân phối vật tư cho phù hợp với khả năng cân đối thực tế và theo hướng tập trung cho những mục tiêu chủ yếu của kế hoạch Nhà nước là:

— Bảo đảm ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế kịp thời vụ sản xuất.

— Ưu tiên bảo đảm cân đối vật tư cho các sản phẩm trọng yếu của nền kinh tế quốc dân.

— Ưu tiên cho các xí nghiệp trọng điểm, vùng trọng điểm, Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Mọi nhu cầu phát sinh ngoài kế hoạch cũng phải được đưa vào kế hoạch cân đối chung và được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng duyệt.

2. Việc giao chỉ tiêu kế hoạch vật tư phải bảo đảm nguyên tắc đơn vị nào nhận chỉ tiêu kế hoạch sản xuất và giao lại sản phẩm cho Nhà nước thì đơn vị đó được nhận chỉ tiêu kế hoạch vật tư.

Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước đã được Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước thông qua Bộ, Tổng cục giao chỉ tiêu kế hoạch phân phối vật tư và giao nộp sản phẩm cho các đơn vị sản xuất — kinh doanh trực thuộc Bộ, Tổng cục; thông qua Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc

Trung ương giao chỉ tiêu kế hoạch phân phối vật tư và giao nộp sản phẩm cho các đơn vị sản xuất — kinh doanh trực thuộc tỉnh, thành phố, đặc khu.

Đối với những liên hiệp xí nghiệp toàn ngành hoặc khu vực được bảo vệ kế hoạch sản xuất — kinh doanh trước Ủy ban Kế hoạch Nhà nước thì được Ủy ban Kế hoạch Nhà nước giao thẳng chỉ tiêu kế hoạch phân phối vật tư đồng thời thông báo cho Bộ và Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố chủ quản biết để quản lý.

Việc quyết toán vật tư Nhà nước phân phối cho các ngành, các địa phương do Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Vật tư và các Bộ cung ứng vật tư thực hiện với các ngành, các địa phương trên cơ sở số sản phẩm mà các ngành, các địa phương đã thực tế giao nộp cho Nhà nước so với chỉ tiêu kế hoạch giao nộp. Nếu sản phẩm giao nộp vượt chỉ tiêu kế hoạch thì ngành, địa phương được Ủy ban Kế hoạch Nhà nước phân phối thêm vật tư một cách tương ứng; nếu giao không đạt kế hoạch thì phải trừ một cách tương ứng vào số vật tư được phân phối theo kế hoạch năm sau.

III. THEO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI VẬT TƯ ĐÃ ĐƯỢC ỦY BAN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC GIAO, CÁC TỔ CHỨC CUNG ỨNG VẬT TƯ CÓ TRÁCH NHIỆM CUNG ỨNG VẬT TƯ TRỰC TIẾP CHO CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT — KINH DOANH ĐƯỢC PHÂN PHỐI

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước giao cho ngành Giao thông vận tải chỉ tiêu kế hoạch vận tải vật tư cân đối với khối lượng vật tư phải vận chuyển.

Về chỉ tiêu xăng dầu cho vận tải địa phương thì phần dùng để vận chuyển hàng của địa phương do địa phương quản lý; phần dùng để vận chuyển hàng cho trung ương do Bộ Giao thông vận tải quản

lý, thanh toán với địa phương và quyết toán với Nhà nước. Riêng phần địa phương dùng để điều thủy sản cho Trung ương thì do Bộ Thủy sản quản lý, thanh toán với địa phương và quyết toán với Nhà nước.

Đề bảo đảm cung ứng tại địa điểm giao nhận theo hợp đồng cho đơn vị sử dụng vật tư, tổ chức cung ứng chịu trách nhiệm chuẩn bị cân hàng, cân, đong, đo, đếm, đóng gói bao bì phù hợp với yêu cầu vận chuyển; tổ chức vận tải chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ hợp đồng vận chuyển đã ký.

Trường hợp đơn vị sử dụng phải dùng phương tiện tự có hay thuê phương tiện vận tải đi nhận vật tư ngoài địa điểm quy định trong hợp đồng thì tổ chức cung ứng phải thanh toán chi phí vận chuyển hợp lý (bao gồm cả xăng dầu, sảm lốp) cho đơn vị sử dụng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Bộ Giao thông vận tải và Bộ Ngoại thương có trách nhiệm tổ chức tốt việc vận chuyển hàng nhập khẩu về nước, không để ứ đọng ở nước ngoài; hàng về đến cảng phải tổ chức lực lượng bốc dỡ nhanh chóng và hiệp đồng với các cơ quan kinh doanh cung ứng trong nước tổ chức vận chuyển thẳng từ cảng đến các kho hoặc đơn vị sử dụng, đáp ứng kịp thời yêu cầu của sản xuất.

Đề khắc phục hiện tượng lấy cắp, mất mát, hao hụt quá định mức trong quá trình lưu thông vật tư, các bên giao, nhận, vận chuyển vật tư phải nghiêm chỉnh thi hành quy định sau đây:

— Khi giao nhận vật tư, nhất thiết phải kiểm lại số lượng, chất lượng vật tư. Nếu bên nhận vật tư không yêu cầu bên giao làm việc này thì phải chịu trách nhiệm về mọi sự hao hụt mất mát. Nếu bên giao từ chối hoặc gây khó dễ thì bên nhận được quyền báo cáo lên cơ quan cấp trên của

hai bên và trọng tài kinh tế cùng cấp để xử lý kịp thời.

— Những sự mất mát, hư hỏng trong quá trình vận chuyển, bốc dỡ, bảo quản do bên chủ hàng hay bên vận tải chịu là do sự thỏa thuận giữa hai bên trong hợp đồng vận chuyển, không bắt người được cung ứng chịu.

IV. PHẢI TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ VIỆC SỬ DỤNG VẬT TƯ ĐỂ ĐẠT HIỆU QUẢ KINH TẾ NGÀY Càng CAO

Vật tư được cung ứng phải được sử dụng đúng mục đích, đúng định mức kinh tế — kỹ thuật.

Đối với vật tư công nghiệp: phải thực hiện chế độ quản lý việc sử dụng theo định mức kinh tế — kỹ thuật được duyệt. Những cơ sở sản xuất quốc doanh, công tư hợp doanh, những cơ sở kinh tế tập thể làm gia công cho Nhà nước, tiết kiệm được vật tư mà vẫn bảo đảm chất lượng sản phẩm thì được thưởng theo chế độ của Nhà nước; nếu tiêu hao quá định mức thì phải phạt.

Đối với vật tư nông nghiệp thì việc cung ứng trước hết phải bảo đảm yêu cầu phát triển sản xuất, đồng thời có gắn với thu mua sản phẩm bằng hợp đồng kinh tế, không phải chỉ thuần túy nhằm mục đích thu mua. Do đó, việc cung ứng vật tư nông nghiệp phải theo định mức kinh tế — kỹ thuật và theo mức cần thiết đủ bảo đảm kế hoạch sản xuất; đối với số sản phẩm còn lại thì mua bằng tiền. Không áp dụng phương thức hàng đổi hàng, mua cao bán cao khiến người có nhiều sản phẩm mua được nhiều vật tư rồi bán ra thì trường trở thành buôn bán đầu cơ. Xử lý nghiêm khắc những người, đơn vị làm trái quy định này, nhất là những trường hợp cố tình làm sai để mưu lợi cho cá nhân hoặc đơn vị.

V. PHẢI TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ LƯU THÔNG VẬT TƯ

Bộ Vật tư, các Bộ khác có chức năng cung ứng vật tư (than, gỗ, xi-măng...), Ủy ban Nhân dân các cấp tăng cường kiểm tra bảo đảm vật tư của Nhà nước đến tay người sản xuất theo giá Nhà nước. Mọi sự vi phạm đều phải được xử lý theo đúng pháp luật của Nhà nước và theo hợp đồng đã ký.

Nghiêm cấm các tổ chức kinh doanh vật tư của Nhà nước cũng như các tổ chức kinh tế tập thể được Nhà nước cung ứng vật tư tự tiện nâng giá bán vật tư của Nhà nước để lấy chênh lệch giá. Nếu gặp vướng mắc trong việc thực hiện giá chỉ đạo thì phải báo cáo lên cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Đối với số vật tư do Nhà nước cung ứng đang tồn đọng ở các cơ sở sản xuất, trước tiên là bán lại cho tổ chức kinh doanh vật tư, nếu tổ chức này không mua thì cho phép các cơ sở được chuyển nhượng cho nhau để dùng vào việc sản xuất theo kế hoạch, nhưng phải theo giá chỉ đạo của Nhà nước cộng với phí thu mua bảo quản và được sự đồng ý của cơ quan quản lý cấp trên. Nghiêm cấm và xử lý nghiêm khắc việc buôn bán, liên doanh liên kết, trao đổi những vật tư này để kiếm chênh lệch giá.

Các đơn vị không trực tiếp sản xuất, nếu có những vật tư này mà không dùng đến thì bán cho các tổ chức kinh doanh vật tư của Nhà nước hoặc các đơn vị có nhu cầu theo giá Nhà nước và phải đưa vào cân đối kế hoạch.

Vật tư của các địa phương tự sản xuất hoặc nhập khẩu, nếu thuộc diện Nhà nước thống nhất quản lý thì phải theo những quy định trên đây, nếu không thuộc diện Nhà nước thống nhất quản lý thì có thể trao đổi với các địa phương

khác hoặc đưa vào liên doanh liên kết nhưng phải do Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố quản lý và chịu trách nhiệm.

Xóa bỏ thị trường tự do, nghiêm cấm tư nhân buôn bán các loại vật tư do Nhà nước thống nhất quản lý. Cơ quan vật tư thực hiện chức năng quản lý Nhà nước phối hợp với các cơ quan tài chính, công an, thanh tra phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm khắc dứt điểm những vụ vi phạm.

Các tổ chức kinh doanh vật tư cần bán một số vật tư thông dụng theo kế hoạch Nhà nước để đáp ứng nhu cầu trong đời sống hàng ngày của nhân dân.

VI. VỀ TỔ CHỨC KINH DOANH CUNG ỨNG VẬT TƯ

Bộ Vật tư phối hợp cùng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, các Bộ, Tổng cục hiện đang đảm nhiệm việc quản lý và cung ứng vật tư nghiên cứu phương án cải tiến toàn diện tổ chức kinh doanh cung ứng vật tư, sửa đổi quy chế quản lý và cung ứng vật tư cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, trình Hội đồng Bộ trưởng vào cuối quý III năm 1986 để thực hiện từ đầu năm 1987.

Trong khi chờ đợi, các ngành, các địa phương không được tự ý đặt thêm các tổ chức cung ứng vật tư mới.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 7 năm 1986. Những quy định trước đây trái với Chỉ thị này đều bãi bỏ.

Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Chỉ thị này.

Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ trưởng Bộ Vật tư có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể và kiểm tra, đôn đốc các ngành, địa phương và cơ sở thực hiện.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng

K. T. Chủ tịch

Phó Chủ tịch

ĐỖ MƯỜI

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 87-HĐBT ngày 17-7-1986 về việc điều chỉnh địa giới hành chính một số xã và thị trấn của huyện Nhà Bè thuộc thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ điều 107 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 18-12-1980;

Căn cứ điều 16 của Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Căn cứ Quyết định số 214-CP của Hội đồng Chính phủ ngày 21-11-1970;

Căn cứ Quyết định số 64b-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 12-9-1981;

Xét đề nghị của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Ban Tổ chức của Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay điều chỉnh địa giới hành chính một số xã, thị trấn của huyện Nhà Bè thuộc thành phố Hồ Chí Minh như sau :

1. Thành lập thị trấn Nhà Bè (thị trấn huyện lỵ huyện Nhà Bè) trên cơ sở 430

héc-ta đất với 5001 nhân khẩu của xã Phú Mỹ và 423 héc-ta đất với 10.948 nhân khẩu của xã Phú Xuân cùng huyện.

Thị trấn Nhà Bè có tổng diện tích tự nhiên 853 héc-ta với 15.949 nhân khẩu.

Địa giới thị trấn Nhà Bè ở phía đông giáp tỉnh Đồng Nai; phía tây giáp xã Phước Kiền; phía nam giáp xã Phú Xuân phía bắc giáp xã Phú Mỹ.

Xã Phú Xuân còn 1.156 héc-ta đất với 10.615 nhân khẩu.

Địa giới xã Phú Xuân ở phía đông giáp tỉnh Đồng Nai; phía tây giáp xã Phước Kiền và xã Nhơn Đức; phía nam giáp xã Long Thới và huyện Duyên Hải; phía bắc giáp thị trấn Nhà Bè.

2. Tách 352 héc-ta đất với 1.939 nhân khẩu của xã Tân Thuận để sáp nhập vào xã Phú Mỹ.

Xã Phú Mỹ có tổng diện tích tự nhiên 1.342 héc-ta với 7.720 nhân khẩu.

Địa giới xã Phú Mỹ ở phía đông giáp tỉnh Đồng Nai; phía tây giáp xã Phước Kiền và xã Tân Quy; phía nam giáp thị trấn Nhà Bè; phía bắc giáp xã Tân Thuận.

3. Chia xã Tân Thuận thành hai xã lấy tên là xã Tân Thuận Đông và xã Tân Thuận Tây.

— Xã Tân Thuận Đông có 663 héc-ta đất với 9478 nhân khẩu.

Địa giới xã Tân Thuận Đông ở phía đông giáp xã Thạnh Mỹ Lợi thuộc huyện Thủ Đức; phía tây giáp xã Tân Thuận Tây; phía nam giáp xã Phú Mỹ; phía bắc giáp xã Thủ Thiêm thuộc huyện Thủ Đức.

— Xã Tân Thuận Tây có 324 héc-ta đất với 13.257 nhân khẩu.

Địa giới xã Tân Thuận Tây ở phía đông giáp xã Tân Thuận Đông; phía tây giáp